

Số: 203/2023/QĐST-HNGĐ

N, ngày 30 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi A, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị B, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi A và bà Trần Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi A và bà Trần Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các cháu Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 15/02/1992; Bùi Thiên Ái V, sinh ngày 08/11/1993 và Bùi Thanh C, sinh ngày 10/12/1995 đã trưởng thành nên ông A, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn T, sinh ngày 29/11/2005. Ông Bùi A cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 6/2023 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Bùi A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi A và bà Trần Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Bùi A và bà Trần Thị B mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông A tự nguyện nộp thay cho bà B. Ông A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy ông A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000908 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông A đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực của pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã S
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Huyền